

Bản khảo sát cư dân người nước ngoài TP Chiba Năm 2024

(R6)

----- Các bạn người ngoại quốc, xin vui lòng trả lời bản khảo sát dưới đây -----

Bản khảo sát này được thực hiện bởi thành phố Chiba.

Thành phố Chiba đang hướng đến mục tiêu tạo ra một thành phố mà người Nhật và người nước ngoài tôn trọng văn hóa của nhau và cùng chung sống thoải mái.

Bản khảo sát này sẽ hỏi về ý kiến và những vấn đề khó khăn của bạn. Những điều đó sẽ được tận dụng cho công việc của thành phố Chiba sau này. Các câu trả lời của bạn sẽ giúp ích trong việc tạo nên một thành phố Chiba đáng sống hơn nữa.

Bản khảo sát này được gửi đến các căn hộ có người nước ngoài từ 18 tuổi trở lên đang sinh sống tại thành phố Chiba. Mỗi người nước ngoài từ 18 tuổi trở lên vui lòng trả lời bản khảo sát này 1 lần.

Bản khảo sát này sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào nằm ngoài việc khảo sát. Và tuyệt đối không để lộ thông tin người đã trả lời bản khảo sát này. Chúng tôi vô cùng mong chờ sự hợp tác của bạn.

Tháng 2 Năm 2025

Kamiya Shunichi
Thị trưởng thành phố Chiba

Bản thân bạn và vấn đề liên quan

Câu 1. Bạn thuộc giới tính nào? [Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

- | | | |
|--------|-------|-------------------|
| 1. Nam | 2. Nữ | 3. Giới tính khác |
|--------|-------|-------------------|

Câu 2. Bạn thuộc độ tuổi nào sau đây (tính đến ngày 1 tháng 12 năm 2024) [Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

- | | | | |
|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1. Dưới 19 tuổi | 2. 20 đến 29 tuổi | 3. 30 đến 39 tuổi | 4. 40 đến 49 tuổi |
| 5. 50 đến 59 tuổi | 6. 60 đến 69 tuổi | 7. 70 đến 79 tuổi | 8. Trên 80 tuổi |

Câu 3. Bạn đang sống tại khu vực (Quận) nào? [Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

- | | | | |
|--------------|------------------|-------------------|--------------|
| 1. Chuo-ku | 2. Hanamigawa-ku | 3. Inage-ku | 4. Wakaba-ku |
| 5. Midori-ku | 6. Mihama-ku | 7. Ngoài TP Chiba | |

Câu 4. Bạn là người nước nào? [Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

- | | | | |
|---------------|--------------|------------------------|----------------|
| 1. Trung Quốc | 2. Việt Nam | 3. Hàn Quốc/Triều Tiên | 4. Philippines |
| 5. Nepal | 6. Indonesia | 7. Sri Lanka | 8. Myanmar |
| 9. Đài Loan | 10. Thái | 11. Mỹ | 12. Mông Cổ |
| 13. Brazil | 14. Ấn Độ | 15. Khác (|) |

Câu 5. Tư cách cư trú của bạn là gì? [Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

- | | | |
|----------------------------|---|----------------------|
| 1. Thường trú | 2. Thường trú đặc biệt | 3. Định cư |
| 4. Vợ/Chồng của người Nhật | 5. Vợ/Chồng của người thường trú | 6. Du học |
| 7. Cư trú theo gia đình | 8. Công nghệ/Trí thức Nhân văn/
Kinh doanh quốc tế | 9. Kỹ năng |
| 10. Quản trị kinh doanh | 11. Kỹ năng đặc định | 12. Thực tập kỹ năng |
| 13. Hoạt động đặc định | 14. Khác (|) |

Câu 6. Bạn sống ở Nhật bao lâu rồi? [Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

- | | | |
|-------------------------|------------------------------|---------------------------|
| 1. Dưới 6 tháng | 2. 6 tháng đến dưới 12 tháng | 3. 1 năm đến dưới 3 năm |
| 4. 3 năm đến dưới 5 năm | 5. 5 năm đến dưới 10 năm | 6. 10 năm đến dưới 20 năm |
| 7. 20 năm trở lên | | |

Câu 7. (Cho người đang sống ở Thành phố Chiba) Bạn sống ở Thành phố Chiba bao lâu rồi?
[Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

1. Dưới 6 tháng	2. 6 tháng đến dưới 12 tháng	3. 1 năm đến dưới 3 năm
4. 3 năm đến dưới 5 năm	5. 5 năm đến dưới 10 năm	6. Hơn 10 năm

Câu 8. Nơi ở hiện tại của bạn? [Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

1. Nhà sở hữu	2. Phòng sở hữu trong chung cư	3. Nhà thuê, Phòng thuê trong chung cư, Căn hộ thuê
4. Nhà của thành phố/tỉnh	5. Nhà/Ký túc xá của công ty	6. Khác ()

Câu 9. Tổng tiền lương hàng năm (thu nhập hàng năm) của bạn là bao nhiêu?
[Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

1. Dưới 1 triệu Yen	2. 1 triệu đến dưới 2 triệu Yen
3. 2 triệu đến dưới 3 triệu Yen	4. 3 triệu đến 4 triệu Yen
5. 4 triệu đến dưới 5 triệu Yen	6. 5 triệu đến dưới 6 triệu Yen
7. 6 triệu đến dưới 7 triệu Yen	8. 7 triệu đến dưới 10 triệu Yen
9. 10 triệu đến dưới 15 triệu Yen	10. 15 triệu đến dưới 20 triệu Yen
11. 20 triệu Yen trở lên	

Ngôn ngữ/ Học tiếng Nhật

Câu 10. Bạn có thể nói được ngôn ngữ nào ngoài tiếng Nhật không?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. Tiếng Anh	2. Tiếng Trung Quốc	3. Tiếng Hàn Quốc
4. Tiếng Tây Ban Nha	5. Tiếng Việt	6. Tiếng Nepal
7. Tiếng Tagalog	8. Tiếng Ukraina	9. Tiếng Indonesia
10. Tiếng Thái	11. Tiếng Myanmar	12. Khác ()

Câu 11. Tiếng Nhật của bạn nằm ở mức độ nào? [Hãy chọn **1** câu trả lời phù hợp cho các mục từ A đến D.]

	Hầu như không gặp trở ngại gì	Đôi khi có gặp khó khăn	Gặp nhiều khó khăn	Hoàn toàn không thể
A. Nói	1	2	3	4
B. Nghe	1	2	3	4
C. Đọc	1	2	3	4
D. Viết	1	2	3	4

Câu 12. Bạn có từng gặp khó khăn khi không thể sử dụng tiếng Nhật không?

Hãy chọn vấn đề khó khăn mà bạn đã gặp phải trong 1 năm gần đây. [Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. Khi bị bệnh	2. Khi tìm việc
3. Khi đến Tòa thị chính/ văn phòng quận	4. Khi đến bưu điện/ ngân hàng
5. Khi nói chuyện với hàng xóm	6. Khi sinh hoạt hằng ngày hoặc khi mua sắm
7. Khi làm việc	8. Khi nói chuyện với giáo viên ở trên trường
9. Khi lên tàu/ buýt	10. Khác ()
11. Không gặp khó khăn nào	

Câu 13. Hiện tại bạn có đang học tiếng Nhật không?

1. Đang học ⇒ Đến câu hỏi 14 và 15	2. Không học ⇒ Đến câu hỏi 16 và 17
------------------------------------	-------------------------------------

【Người đã chọn 1 ở câu 13, hãy trả lời câu hỏi 14 này.】

Câu 14. Hiện tại bạn đang học tiếng Nhật bằng cách nào?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|---|--|
| 1. Tự học (qua sách, tivi v.v) | 2. Tự học (qua Internet hoặc ứng dụng) |
| 3. Lắng nghe và ghi nhớ những câu chuyện xung quanh | 4. Học từ nơi làm việc |
| 5. Học từ bạn bè (người Nhật) | 6. Học từ bạn bè (không phải người Nhật) |
| 7. Học từ gia đình | 8. Lớp tiếng Nhật mất phí |
| 9. Lớp tiếng Nhật miễn phí | 10. Lớp học từ xa |
| 11. Khác () | |

【Người đã chọn 1 ở câu 13, hãy trả lời câu hỏi 15 này.】

Câu 15. Bạn học tiếng Nhật vì điều gì?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|---|---|
| 1. Để làm việc | 2. Để hiểu các hướng dẫn khi đi bệnh viện |
| 3. Để hiểu cuộc nói chuyện tại văn phòng hành chính | 4. Để giao tiếp với người trong công ty và hàng xóm |
| 5. Để hiểu được thư hoặc thông báo | 6. Để tìm công việc tốt hơn |
| 7. Để đọc thư và tham gia phỏng vấn của trường học | |
| 8. Để đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật | 9. Vì cần thiết trong việc làm thủ tục xin visa |
| 10. Khác () | |

【Người đã chọn 2 ở câu 13, hãy trả lời câu hỏi 16 này.】

Câu 16. Vì sao hiện tại bạn không học tiếng Nhật?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | |
|---|
| 1. Vì hiểu được tiếng Nhật rồi |
| 2. Không có thời gian học do bận làm |
| 3. Không biết thông tin về lớp học tiếng Nhật |
| 4. Vì không biết cách học |
| 5. Vì không có tiền học tiếng Nhật (Vì lãng phí tiền) |
| 6. Không có thời gian học do bận chăm sóc con cái hoặc người lớn tuổi |
| 7. Không khớp thời gian với lớp tiếng Nhật |
| 8. Vì lớp tiếng Nhật xa |
| 9. Vì dù không hiểu tiếng Nhật thì vẫn sinh hoạt được bình thường |
| 10. Vì không muốn học tiếng Nhật |

11. Không hợp cách dạy/ cấp độ của lớp tiếng Nhật

12. Khác ()

【Người đã chọn 2 ở câu 13, hãy trả lời câu hỏi 17 này.】

Câu 17. Như thế nào thì bạn có thể trở nên muốn học tiếng Nhật?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. Chỉ cần có thời gian, tôi sẽ muốn học
2. Có lớp học miễn phí thì tôi sẽ muốn học
3. Nếu lớp học ở gần thì tôi sẽ muốn học
4. Có lớp học và có thời gian thì tôi sẽ muốn học
5. Chỉ cần điều tôi muốn học phù hợp với cách dạy, nội dung, cấp độ của lớp tiếng Nhật thì tôi sẽ muốn học
6. Nếu có dư dả tiền thì tôi sẽ muốn học
7. Có lớp tiếng Nhật online thì tôi sẽ muốn học
8. Chỉ cần có trang web hoặc app về học tiếng Nhật, tôi sẽ muốn học
9. Nếu có chương trình giáo dục tiếng Nhật từ xa thì tôi sẽ muốn học
10. Có sách giáo khoa tốt hơn thì tôi sẽ muốn học
11. Có kênh chương trình Tivi về học tiếng Nhật thì tôi sẽ muốn học
12. Khác ()
13. Từ bây giờ, tôi không có dự định học tiếng Nhật

Câu 18. Bạn muốn tham gia lớp học tiếng Nhật nào? [Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. Lớp học ngày thường trong tuần
2. Lớp học vào ngày nghỉ
3. Lớp học buổi sáng
4. Lớp học buổi chiều
5. Lớp học buổi tối
6. Lớp học vào ngày cố định
7. Có thể tham gia vào ngày bạn thích
8. Lớp học trực tiếp đối mặt
9. Lớp học trực tuyến
10. Lớp học gần nhà
11. Lớp học gần nơi làm việc
12. Lớp học có thể nhận giữ trẻ giúp
13. Lớp học hữu ích cho cuộc sống và xây dựng mối quan hệ
14. Lớp học có thể luyện tập giao tiếp
15. Lớp học có thể học đọc và viết
16. Lớp học có thể học tiếng Nhật một cách có hệ thống
17. Khác ()

18. Không có yêu cầu điều gì đặc biệt

19. Không muốn tham gia/ Không cần thiết phải tham gia

Phát hành thông tin và dịch vụ hành chính

Câu 19. Bạn muốn biết thêm thông tin gì về đời sống sinh hoạt? [Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|---|--|
| 1. Thuế và lương hưu | 2. Bảo hiểm y tế và sức khỏe |
| 3. Thông tin về phòng chống thiên tai như động đất và bão | 4. Học tiếng Nhật |
| 5. Các sự kiện như lễ hội và thể thao | 6. Thông tin du lịch |
| 7. Cách vứt rác và tái chế | 8. Hoạt động địa phương như hội tự trị khu phố |
| 9. Điều dưỡng và phúc lợi | 10. Giáo dục cho trẻ em |
| 11. Sinh con và nuôi dạy con | 12. Nơi ở, nhà ở |
| 13. Khác () | 14. Không có yêu cầu điều gì đặc biệt. |

Câu 20. Làm thế nào để bạn có được thông tin cần thiết cho cuộc sống của bạn?
[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | |
|---|
| 1. Trang web của các cơ quan hành chính (tòa thị chính) |
| 2. Trang web của Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Chiba |
| 3. Các trang web khác () |
| 4. Các trang mạng xã hội của cơ quan hành chính (toà thị chính) |
| 5. Các trang mạng xã hội của Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Chiba |
| 6. Các trang mạng xã hội khác () |
| 7. Báo/Tạp chí |
| 8. Ti vi |
| 9. Tại quầy của cơ quan hành chính (tòa thị chính/văn phòng quận)/Bản tin thông báo công khai |
| 10. Quầy tiếp khách của Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Chiba |
| 11. Nơi làm việc (công ty,.v.v)/Trường học |
| 12. Bạn hoặc người quen người Nhật |
| 13. Bạn hoặc người quen cùng quốc gia |
| 14. Gia đình |
| 15. Khác, cụ thể là () |
| 16. Không có cách nào để có được thông tin cần thiết |

5. Instagram	6. WeChat
7. WhatsApp	8. Weibo
9. Kakao Talk	10. Viber
11. Khác ()	12. Không có yêu cầu

Câu 25. Bạn có biết các dịch vụ về thu thập thông tin và hỗ trợ tư vấn sau đây của thành phố Chiba không?
[Hãy chọn **1** câu trả lời phù hợp về các mục từ A đến J.]

		Đã từng sử dụng	Biết nhưng chưa sử dụng	Không biết
Thành phố Chiba	A. Trang chủ thành phố Chiba	1	2	3
	B. Trang cổng thông tin tiếng Nhật đơn giản của thành phố Chiba	1	2	3
	C. Sách hướng dẫn cuộc sống tại thành phố Chiba	1	2	3
	D. Sách phòng chống thiên tai cho người nước ngoài	1	2	3
	E. Dịch vụ gửi e-mail phòng chống thiên tai đa ngôn ngữ	1	2	3
Hiệp hội Giao lưu Quốc tế	F. Trang chủ Hiệp hội giao lưu quốc tế	1	2	3
	G. Tư vấn qua LINE dành cho cư dân người nước ngoài	1	2	3
	H. Facebook Hiệp hội giao lưu quốc tế	1	2	3
	I. Quầy tư vấn sinh hoạt cho cư dân nước ngoài	1	2	3
	J. Tư vấn pháp luật cho người nước ngoài	1	2	3

Tư vấn cuộc sống

Câu 26. Bạn có điều gì khó khăn hoặc lo lắng trong sinh hoạt không?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|--|--|
| 1. Không có nơi hoặc người để tham khảo ý kiến | 2. Không thể dùng ngoại ngữ tại cơ sở hành chính |
| 3. Về học tiếng Nhật | 4. Tiền bạc để sinh sống |
| 5. Biết thông tin về cuộc sống | 6. Nhà ở |
| 7. Nuôi dạy con cái | 8. Trường học của con trẻ |
| 9. Mối quan hệ với hàng xóm | 10. Công việc làm |
| 11. Khác biệt về văn hóa và phong tục tập quán | 12. Khi ốm đau hoặc bị thương |
| 13. Khi xảy ra thảm họa hoặc tình trạng khẩn cấp | 14. Không có vấn đề gì |
| 15. Khác (cụ thể: _____) |) |

Câu 27. Bạn sẽ tham vấn ở đâu nếu gặp khó khăn hoặc lo lắng về sinh hoạt?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|--|--|
| 1. Quầy tư vấn hành chính (Tòa thị chính / văn phòng Quận v.v.) | 2. Quầy tư vấn của Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Chiba |
| 3. Người ở nơi làm việc, giáo viên/nhân viên của trường học và ký túc xá | 4. Người Nhật sống gần nhà |
| 5. Bạn bè và người quen người Nhật | 6. Bạn bè và người quen cùng nước |
| 7. Đại sứ quán / Lãnh sự quán | 8. Gia đình |
| 9. Không có ai để tham khảo ý kiến | 10. Khác (Cụ thể _____) |

Câu 28. Bạn đã bao giờ gặp rắc rối khi tham vấn với thành phố Chiba không?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|---|---|
| 1. Không biết phải tham vấn ở đâu thì tốt | 2. Phải nghỉ làm hoặc nghỉ học để đi tham vấn |
| 3. Không thể hiểu ngôn ngữ | 4. Ít có quầy tư vấn |
| 5. Ít nội dung có thể tham vấn được | 6. Khác (_____) |
| 7. Không gặp rắc rối gì cả | 8. Chưa từng tham vấn |

Công việc

Câu 29. Địa vị (chức vụ) của bạn ở nơi làm việc hiện tại là?

【Nếu bạn có nhiều hơn một việc làm, hãy chọn 1 công việc chính. Nếu bạn không có việc làm, chọn "Thất nghiệp". Nếu bạn vẫn đang đi học, chọn "Sinh viên/Học sinh" ngay cả khi bạn có công việc bán thời gian.】

- | | |
|-------------------------------------|--|
| 1. Tự kinh doanh (chủ doanh nghiệp) | 2. Thành viên ban giám đốc |
| 3. Nhân viên chính thức | 4. Nhân viên hợp đồng/nhân viên làm theo ủy thác (có thời hạn) |
| 5. Nhân viên phái cử | 6. Nhân viên tạm thời/làm thêm/bán thời gian |
| 7. Thực tập sinh kỹ thuật | 8. Khác (cụ thể:) |
| 9. Thất nghiệp | 10. Sinh viên/ Học sinh |

Người chọn "9. Thất nghiệp", "10. Sinh viên/Học sinh" trong câu 29, không cần phải trả lời câu hỏi từ 30 đến 35.

Câu 30. Nơi làm việc của bạn ở đâu? 【Nếu bạn có nhiều hơn một việc làm, hãy chọn 1 nơi làm việc chính.】

- | | |
|---------------------|------------------------------------|
| 1. Chiba-shi | 2. Narashino-shi |
| 3. Yotsukaido-shi | 4. Ichihara-shi |
| 5. Yachiyo-shi | 6. Funabashi-shi |
| 7. Ichikawa-shi | 8. Thành phố khác trong tỉnh Chiba |
| 9. Ngoài tỉnh Chiba | |

Câu 31. Nơi làm việc thuộc ngành nào? 【Nếu bạn có nhiều hơn một việc làm, hãy chọn 1 nơi làm việc chính.】

- | | |
|--------------------------------|--|
| 1. Nông nghiệp, lâm nghiệp | 2. Xây dựng |
| 3. Chế tạo, sản xuất | 4. Giao thông vận tải, viễn thông |
| 5. Bán sỉ bán lẻ | 6. Y tế, phúc lợi |
| 7. Giáo dục, hỗ trợ học tập | 8. Nghiên cứu học thuật, dịch vụ chuyên môn/kỹ thuật |
| 9. Dịch vụ khách sạn, nhà hàng | 10. Khác (cụ thể:) |

Câu 32. Công việc hiện tại của bạn là gì? 【Nếu bạn có nhiều hơn một việc làm, hãy chọn 1 nơi làm việc chính.】

* Lưu ý: Chọn theo nội dung công việc, không phải là tư cách lưu trú】

- | | |
|--|--|
| 1. Quản lý/quản trị công ty hoặc cơ sở | 2. Nhân viên chuyên môn/kỹ thuật (kỹ sư, y tá, giáo viên mẫu giáo, v.v.) |
| 3. Giáo viên ngoại ngữ | 4. Thông dịch/phiên dịch |
| 5. Nhân viên văn phòng (bao gồm công việc như kinh doanh v.v.) | 6. Công nhân nhà máy/xưởng |

7. Nhân viên cửa hàng (bán hàng)	8. Dịch vụ khách hàng (hầu bàn, v.v.)
9. Quản gia	10. Lái xe/giao hàng, nhân viên vệ sinh
11. Dịch vụ khác (giúp việc nhà, đầu bếp, cắt tóc /thẩm mỹ)	12. Khác (cụ thể:)

Câu 33. Bạn gặp rắc rối hoặc bất mãn về công việc hiện tại của bạn không?
 [Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|--|---|
| 1. Giao tiếp bằng tiếng Nhật không giỏi | |
| 2. Không hài lòng với tiền lương (thu nhập) | |
| 3. Giờ làm việc dài | |
| 4. Không hài lòng với môi trường làm việc như an toàn và vệ sinh | |
| 5. Các mối quan hệ ở nơi làm việc không tốt | |
| 6. Bị đối xử phân biệt vì là người ngoại quốc (Ví dụ) phân công / thăng chức | |
| 7. Khác (cụ thể:) |) |
| 8. Không có rắc rối, bất mãn | |

Câu 34. Bạn đã tìm công việc hiện tại của mình ở đâu?
 [Nếu bạn có nhiều hơn một việc làm, hãy chọn **1** nơi làm việc chính của bạn.]

- | | |
|---|---|
| 1. Trang web tuyển dụng (cho người kiếm việc làm) | |
| 2. Báo và tạp chí tuyển dụng viết bằng tiếng Nhật | |
| 3. Quảng cáo tuyển dụng của các tờ báo hoặc tạp chí viết bằng tiếng mẹ đẻ xuất bản tại Nhật | |
| 4. Mạng xã hội (LINE, X (tên cũ là Twitter), Facebook...) | |
| 5. Hello Work (Văn phòng Ổn định Việc làm Công cộng) | |
| 6. Cơ quan hỗ trợ việc làm của trường Đại học (Trung tâm hướng nghiệp) | |
| 7. Dự án do các tổ chức công thực hiện (thành phố Chiba, tỉnh Chiba, Quốc gia, v.v.) | |
| 8. Giới thiệu từ bạn bè và người quen người Nhật | |
| 9. Giới thiệu từ bạn bè và người quen người cùng nước | |
| 10. Giới thiệu từ gia đình/người thân | |
| 11. Dịch vụ trung gian (Phòng giới thiệu công ty đang tìm nhân công và người đang tìm việc làm) | |
| 12. Khác (cụ thể:) |) |

Câu 35. Bạn muốn công việc sau này của mình như thế nào?
 [Hãy chọn **1** câu trả lời phù hợp]

- | | |
|--|---|
| 1. Muốn tiếp tục công việc hiện tại | 2. Muốn làm thêm việc khác mà không bỏ công việc hiện tại |
| 3. Muốn tìm một công việc khác ở nước Nhật | 4. Muốn lập công ty của riêng mình ở Nhật |
| 5. Muốn tìm một công việc ở nước mình | 6. Muốn lập công ty riêng ở nước mình |
| 7. Muốn nghỉ việc | 8. Khác (cụ thể:) |

9. Không biết

【Người là “du học sinh”, đã chọn “10. Sinh viên/Học sinh” ở câu hỏi 29, vui lòng trả lời câu hỏi 36】

Câu 36. Bạn muốn làm gì sau khi tốt nghiệp ra trường?
[Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|---|--|
| 1. Muốn tìm việc làm ở thành phố Chiba | 2. Muốn lập công ty riêng ở thành phố Chiba |
| 3. Muốn tìm việc làm ở Nhật Bản (ngoài thành phố Chiba) | 4. Muốn lập công ty riêng ở Nhật (ngoài thành phố Chiba) |
| 5. Muốn tìm việc làm ở nước mình | 6. Muốn lập công ty riêng ở nước mình |
| 7. Không có dự định sẽ đi làm | 8. Khác (cụ thể: _____) |
| 9. Không biết | |

Về nuôi con và giáo dục

Câu 37. Hiện nay, bạn có con sống chung không?

[Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

1. Có

2. Không

【Người chọn “1. Có” hãy trả lời câu hỏi từ 38 đến câu 47】

Câu 38. Cho biết số con của bạn [Hãy chọn 1 câu trả lời phù hợp.]

1. 1 bé
2. 2 bé
3. 3 bé
4. 4 bé
5. 5 bé trở lên

Câu 39. Xin cho biết độ tuổi của con bạn (tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2024).

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. 0 tuổi đến 6 tuổi
2. 7 tuổi đến 12 tuổi (học sinh tiểu học)
3. 13 tuổi đến 18 tuổi (học sinh THCS/THPT)
4. 19 tuổi trở lên

【Người chọn “0 tuổi đến 6 tuổi” của câu hỏi 39 hãy trả lời câu hỏi 40】

Câu 40. Bạn gửi con ở đâu?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. Nhà trẻ/vườn trẻ mà nhiều phụ huynh Nhật gửi con
2. Trường mẫu giáo mà nhiều phụ huynh Nhật gửi con
3. Trung tâm Giáo dục Mầm non mà nhiều phụ huynh Nhật gửi con
4. Lớp mẫu giáo của trường quốc tế/trường nước ngoài có nhiều trẻ em nước ngoài theo học
5. Gia đình/người thân/bạn bè/người quen
6. Tôi không gửi con vì không có nơi nào để gửi trẻ
7. Tôi không gửi con vì không muốn/ không cần thiết
8. Khác (cụ thể: _____)

【Người đã chọn 2 đến 4 của câu hỏi 39. Hãy trả lời câu hỏi 41】

Câu 41. Con bạn có đang đi học không? [Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. Đang theo học tại trường tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông/đại học, v.v.
2. Đã vào trường THPT/trung học chuyên ngành nhưng bỏ học và không đi học
3. Đã vào trường đại học/cao đẳng/trường chuyên nghiệp, v.v, nhưng bỏ học và không đi học
4. Không đi học tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông/đại học, v.v.

【Người chọn 1 của câu hỏi 41 hãy trả lời câu hỏi từ 42 đến 44】

Câu 42. Con bạn đang theo học trường nào? [Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. Tiểu học ở thành phố Chiba
2. Tiểu học ngoài thành phố Chiba
3. Trung học cơ sở ở thành phố Chiba
4. Trung học cơ sở ngoài thành phố Chiba
5. THPT, Trung học chuyên ngành
6. Trường hỗ trợ đặc biệt
7. Trường quốc tế, trường cho người nước ngoài
8. Đại học, Trường cao đẳng của Nhật Bản
9. Trường chuyên nghiệp, các loại trường khác của Nhật Bản
10. Cao học của Nhật Bản
11. Đại học v.v. ngoài nước Nhật

Câu 43. Con bạn có gặp rắc rối gì ở trường đang theo học không?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. Không hiểu tiếng Nhật
2. Không hiểu nội dung giảng dạy
3. Không có ai chỉ dạy tiếng Nhật
4. Không ai hỗ trợ bằng tiếng mẹ đẻ
5. Giáo viên không quan tâm đến
6. Lo lắng về mặt tinh thần
7. Có vẻ từ chối đi học
8. Không có bạn/không thể kết bạn
9. Lo lắng liệu có thể đậu kỳ thi không
10. Không ai để có thể trò chuyện về vấn đề lo lắng
11. Không hiểu quy định của trường
12. Khác (cụ thể: _____)

12. Không gặp rắc rối gì

Câu 44. Bạn có vấn đề gì với trường mà con bạn theo học gì không?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|--|---|
| 1. Không hiểu hoạt động của trường | 2. Không hiểu hoạt động của hội phụ huynh (gồm PTA) |
| 3. Không biết thủ tục thi và nhập học | 4. Không hiểu nội dung thông báo từ trường |
| 5. Không thể hòa nhập vào mối quan hệ giữa các phụ huynh | 6. Không thể giao tiếp tốt với giáo viên |
| 7. Đứa trẻ quên tiếng mẹ đẻ | 8. Không thể giúp đỡ khi trẻ hỏi ý kiến về định hướng tương lai |
| 9. Học phí cao | 10. Không thể cho con đi học cao hơn vì tư cách lưu trú không thể xin được học bổng |
| 11. Khác (cụ thể: _____) | |
| 12. Không có vấn đề gì | |

【Trả lời câu hỏi 45 nếu bạn có con học trung học cơ sở】

Câu 45. Bạn muốn con mình làm gì sau khi trẻ tốt nghiệp THCS?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|--|---|
| 1. Muốn con học lên THPT ở Nhật | 2. Muốn con học lên THPT ở nước khác |
| 3. Muốn con làm việc ở Nhật | 4. Muốn con làm việc ở nước khác |
| 5. Muốn con giúp đỡ việc nhà cho gia đình ở Nhật | 6. Muốn con giúp đỡ việc nhà cho gia đình ở nước mình |
| 7. Không biết | |

【Người đã chọn 2 đến 4 của câu hỏi 41 hãy trả lời câu hỏi 46.】

Câu 46. Lý do con bạn không đi học là gì? [Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|--|---|
| 1. Không hiểu tiếng Nhật | 2. Không biết thủ tục nhập học |
| 3. Trường học, sinh hoạt, phong tục khác với trường học ở nước mẹ đẻ | 4. Con lo lắng về việc bị bắt nạt và phân biệt đối xử |
| 5. Không biết rằng có thể theo học trường ở Nhật | 6. Con không thể theo kịp lớp học |
| 7. Không có trường học cho người nước ngoài nào gần | 8. Không dự định sẽ sống ở Nhật lâu dài |
| 9. Vì con phải chăm sóc em trai/ em gái nhỏ | 10. Phải giúp việc nhà |
| 11. Con đã đi làm rồi | |
| 12. Khác (cụ thể: _____) | |

Câu 47. Con bạn có nhận được những hỗ trợ sau đây khi học tiếng Nhật không?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | |
|-------------------------------------|
| 1. Được chỉ dạy tiếng Nhật ở trường |
| 2. Lớp học tiếng Nhật |

3. Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Thành phố Chiba
4. Các tổ chức/đoàn thể giao lưu quốc tế khác ngoài "Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Thành phố Chiba"
5. Trường học Nhật ngữ
6. Trường luyện thi
7. Thầy/Cô dạy tư
8. Khác (cụ thể: _____)
9. Muốn nhận được sự hỗ trợ nhưng chưa được
10. Biết tiếng Nhật nên không nhận hỗ trợ

Phòng chống thiên tai

Câu 48. Bạn đã đối mặt với khó khăn nào dưới đây khi gặp thiên tai (động đất, bão, mưa lớn, v.v.) ở Nhật?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. Không gặp khó khăn
2. Không biết nơi sơ tán
3. Không biết lấy thông tin chính xác ở đâu
4. Dù có các biện pháp hỗ trợ sau thiên tai thì cũng không biết cách sử dụng hoặc nộp đơn
5. Không biết trung tâm sơ tán là nơi như thế nào
6. Không hiểu thông tin sơ tán (cảnh báo, chú ý, ...) do chỉ được ghi bằng tiếng Nhật
7. Không biết phải tham vấn ở đâu
8. Không hiểu thông tin sơ tán (cảnh báo, chú ý, ...) do không được ghi bằng tiếng Nhật đơn giản
9. Không biết thảm họa (sóng thần, ...) ở Nhật Bản là thứ như thế nào
10. Không biết cách sử dụng (gọi) xe cấp cứu
11. Mất nhiều thời gian để có được thông tin
12. Không có ai để dựa vào khi gặp khó khăn
13. Dù có các biện pháp hỗ trợ sau thiên tai thì cũng không hiểu vì không có hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài
14. Dù có các biện pháp hỗ trợ sau thiên tai thì cũng không hiểu vì không có hướng dẫn bằng tiếng Nhật đơn giản
15. Khác (cụ thể: _____)

Câu 49. Bạn có biết địa điểm sơ tán, trung tâm sơ tán trong trường hợp động đất, hoặc thiên tai khác xảy ra không?

[Hãy chọn **1** câu trả lời phù hợp trong những câu trả lời.]

1. Biết địa điểm/trung tâm sơ tán
2. Không biết địa điểm/trung tâm sơ tán
3. Không biết

Câu 50. Bạn chuẩn bị gì để phòng thiên tai? [Hãy chọn tất cả câu trả lời phù hợp.]

1. Chuẩn bị thức ăn và nước uống
2. Chuẩn bị những thứ cần thiết khi sơ tán (đèn pin, radio di động, thuốc, ...)
3. Quyết định cách liên hệ trong gia đình của mình
4. Cố định đồ đạc để chúng không bị đổ
5. Tham gia huấn luyện phòng chống thiên tai
6. Đã đăng ký "Email về An toàn An tâm" của thành phố
7. Đã đăng ký dịch vụ gửi email đa ngôn ngữ về phòng chống thiên tai của thành phố
8. Có "Tập sách hướng dẫn phòng chống thiên tai cho người nước ngoài"
9. Những điều khác (cụ thể: _____)
10. Không chuẩn bị gì cả

Về chung sống đa văn hóa

Câu 51. Lý do bạn chuyển đến sống ở thành phố Chiba?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|---|---|
| 1. Vì gần nơi làm việc | 2. Vì gần trường |
| 3. Vì sinh hoạt phí rẻ hơn khu vực khác | 4. Vì có nhiều khu vực tự nhiên, dễ sống |
| 5. Vì có đầy đủ chế độ hỗ trợ và dịch vụ hành chính dành cho người nước ngoài | 6. Vì có bạn bè, gia đình đang sống tại thành phố Chiba |
| 7. Vì trị an tốt hơn các khu vực khác | 8. Khác (:) |

Câu 52. Bạn muốn tiếp tục sống ở Thành phố Chiba không?

[Hãy chọn **1** câu trả lời phù hợp]

- | | | |
|----------------------|------------------|------------------|
| 1. Muốn | 2. Muốn một chút | 3. Đang phân vân |
| 4. Không hẳn là muốn | 5. Không muốn | |

Câu 53. Bạn có nghĩ rằng cư dân nước ngoài và cư dân người Nhật đang dần hiểu nhau hơn không?

[Hãy chọn **1** câu trả lời phù hợp]

- | | | |
|------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| 1. Đang tiến triển tốt | 2. Có hiểu nhau hơn một chút | 3. Không thể nói khá hay không |
| 4. Không khá lắm | 5. Không hiểu nhau | |

Câu 54. Bạn có mối quan hệ như thế nào với hàng xóm?

[Hãy chọn **1** câu trả lời phù hợp.]

- | |
|--|
| 1. Thân thiết hơn với người hợp tính, cùng đi mua sắm v.v. |
| 2. Khi gặp khó khăn thì cùng tâm sự và giúp đỡ lẫn nhau |
| 3. Thỉnh thoảng có đứng nói chuyện |
| 4. Ở mức có thể chào hỏi khi gặp |
| 5. Không biết mặt |

Câu 55. Bạn muốn có mối quan hệ như thế nào với hàng xóm?

[Hãy chọn **1** câu trả lời phù hợp.]

- | |
|---|
| 1. Có thể giao lưu tích cực và thân thiết với nhau |
| 2. Không quá thân thiết nhưng khi khó khăn có thể trao đổi, giúp đỡ nhau |
| 3. Mối quan hệ ít thân thiết nhất có thể, chỉ dừng lại ở mức độ chào hỏi, không giao lưu. |
| 4. Không muốn dính dáng gì đến hàng xóm |

Câu 56. Bạn nghĩ điều gì là cần thiết để thúc đẩy việc tạo lập thành phố chung sống đa văn hóa?

[Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | |
|--|
| 1. Tăng cường và củng cố hệ thống hỗ trợ cho cư dân nước ngoài |
|--|

2. Tăng cơ hội giao lưu giữa người nước ngoài và người Nhật
3. Đẩy mạnh sự hiểu biết của người Nhật về các nền văn hóa khác nhau
4. Có cơ chế vận dụng ý kiến của người nước ngoài trong công việc hành chính
5. Mở rộng sự cung cấp thông tin sinh hoạt bằng tiếng nước ngoài
6. Nâng cao cơ hội cho người nước ngoài học ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản
7. Hỗ trợ giáo dục và nuôi dạy trẻ em lớn lên ở các nền văn hóa và phong tục nước ngoài
8. Khác (cụ thể: _____)
9. Không đặc biệt cần thiết

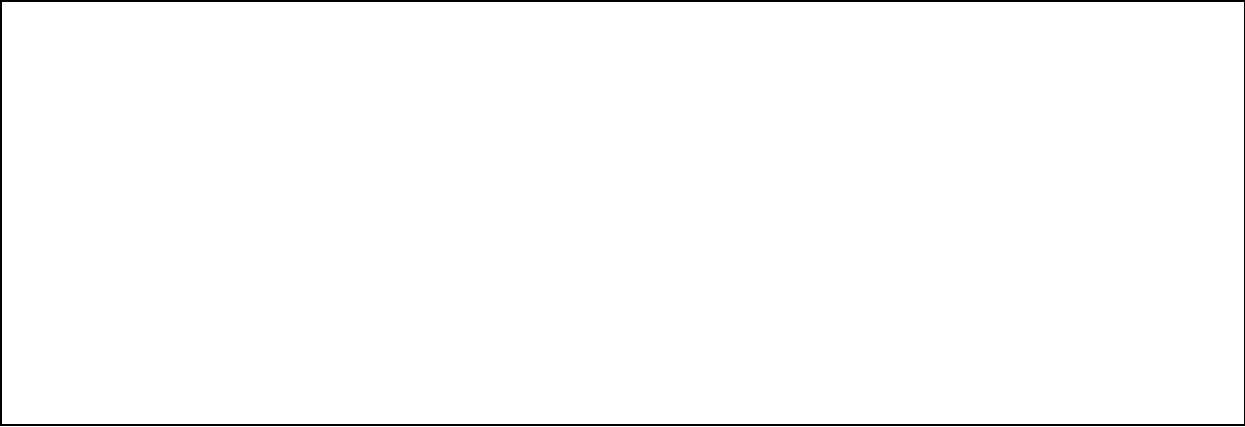
Câu 57. Bạn có tham gia vào các hoạt động nào dưới đây ngoài công việc không?
 [Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

1. Hoạt động của hội tự trị trong khu phố
2. Hoạt động của hội phụ huynh (gồm PTA)
3. Hoạt động giao lưu văn hóa khác nhau
4. Hoạt động trong các cơ sở tôn giáo như nhà thờ, chùa...
5. Hoạt động tình nguyện
6. Hoạt động khác (cụ thể: _____)
7. Muốn tham gia nhưng chưa tham gia
8. Chưa tham gia và không muốn tham gia

Câu 58. Hoạt động cộng đồng nào sau đây mà bạn muốn làm thử?
 [Hãy chọn **tất cả** câu trả lời phù hợp.]

- | | |
|--|---|
| 1. Dạy ngôn ngữ | 2. Thông dịch/biên dịch |
| 3. Giúp đỡ học tập | 4. Dạy thể thao |
| 5. Dạy văn hóa và phong tục nước ngoài | 6. Hỗ trợ cho người nước ngoài mới đến Nhật |
| 7. Hỗ trợ trẻ em được nuôi dưỡng trong các nền văn hóa và phong tục nước ngoài | 8. Giữ trẻ hoặc chăm sóc trẻ |
| 9. Hỗ trợ người già và người khuyết tật | 10. Kế hoạch và trợ giúp các sự kiện địa phương |
| 11. Khác (cụ thể: _____) | |
| 12. Không có gì đặc biệt | |

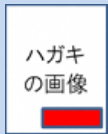
Câu 59. Cuối cùng, nếu bạn có bất kỳ ý kiến nào về cuộc khảo sát này, chẳng hạn như điều bạn muốn thành phố Chiba thực hiện, những sự bất tiện bạn cảm thấy trong cuộc sống hàng ngày, những điều khó khăn rắc rối bạn gặp; xin viết ra một cách tự do.



Câu 60. Chúng tôi sẽ tặng quà cho những người trúng thưởng trong đợt rút thăm, bao gồm phiếu quà tặng (trị giá 10,000 yên, 5,000 yên, hoặc 1,000 yên) hoặc một hộp bánh kẹo. Những ai muốn nhận quà, vui lòng đọc kỹ phần ‘Những điều cần chú ý’ bên dưới và nhập mã đăng ký rút thăm được ghi trên bưu thiếp đã nhận.

Điều lưu ý

- ① Người nước ngoài trên 18 tuổi có thể đăng ký chỉ một lần cho mỗi người.
- ② Nếu bạn chưa nhận được bưu thiếp, hãy hỏi ở [Nơi liên hệ].
- ③ Nếu có hai thành viên trở lên trong gia đình sống cùng nhau trả lời riêng biệt bản câu hỏi, hãy nhập cùng một "mã đăng ký rút thăm" được ghi trên bưu thiếp mà gia đình nhận được.
- ④ Quà sẽ được gửi đến địa chỉ trên bưu thiếp bạn đã nhận. Với tên người chủ hộ gia đình.
- ⑤ Việc trúng thưởng sẽ bị vô hiệu hoá trong các trường hợp nêu sau.
 - "Mã đăng ký rút thăm" đã nhập không chính xác.
 - Món quà tặng được gửi về lại cho Phòng Giao lưu Quốc tế.
- ⑥ Chúng tôi không nhận và đáp các câu hỏi liên quan đến trúng thưởng/không trúng thưởng.
- ⑦ Nếu bạn nhận được quà thì đó là trúng thưởng và ngược lại.



"Mã đăng ký rút thăm" được viết ở đây trên bưu thiếp mà bạn nhận được.



【Nơi liên hệ】

〒260-8722 Chiba-shi, Chuo-ku, ChibaMinato 1-1
Chiba-shi Cục Tổng vụ Văn Phòng Thị Trường
Phòng Giao lưu Quốc tế
E-mail : kokusai.CIC@city.chiba.lg.jp
Điện thoại : 043-245-5018

"Mã đăng ký rút thăm" được viết trên bưu thiếp mà bạn nhận được

Chúng tôi kết thúc Bản khảo sát này ở đây. Cảm ơn bạn rất nhiều.